TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 735/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 03/7/2017.
V/v Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phúc
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Năm.

2. Bà Trần Nguyễn Ngọc Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Cao Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Ngon - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1087/2016/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2016, về việc **"**Ly hôn**",** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2017/QĐST- HNGĐ ngày 12/6/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1994 (Có đơn xin vắng mặt).
Địa chỉ: 231C/24 Dương Bá Trạc, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Ngọc P, sinh năm 1982 (Vắng mặt).
Địa chỉ HKTT: 161F Dương Bá Trạc, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ tạm trú: 290B/53 Dương Bá Trạc, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/9/2016 cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày: Bà T và ông P sống chung từ năm 2010 không đăng kí kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, hôn nhân không đạt được hạnh phúc rạn nứt dần. Nay bà T yêu cầu ly hôn với ông P.

Về con chung có hai con chung tên Huỳnh Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 19/9/2011 và Huỳnh Chí T1, sinh ngày 07/6/2014. Bà T yêu cầu nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Bị đơn ông Huỳnh Ngọc P vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa nên Tòa án không thu được lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân Quận 8 thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật. Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Do bà T và ông P không đăng ký kết hôn nên đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình,bị đơn cư trú tại Quận 8.Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 8 theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 19/5/2017, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo yêu cầu của nguyên đơn.

Ông Huỳnh Ngọc P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- Quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Huỳnh Ngọc P sống chung từ năm 2010 nhưng không đăng ký kết. Theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ sau ngày 01/01/2003 mà không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng. Theo quy định tại điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì nam nữ đủ điều kiện kết hôn chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó Hội đồng xét xử không công nhận bà Trần Thị T và ông Huỳnh Ngọc P là vợ, chồng.

- Về con chung: Xét thấy yêu cầu của bà T là được nuôi dưỡng hai con chung Huỳnh Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 19/9/2011 và Huỳnh Chí T1, sinh ngày 07/6/2014

và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự xác định không có.

[4] Án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2009 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án năm 2009;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 có hiệu lực vào ngày 01/01/2017.

Tuyên xử: Vắng mặt đối với bà Trần Thị T và ông Huỳnh Ngọc P.

Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị T và ông Huỳnh Ngọc P.

Về con chung: Giao cho bà Trần Thị T trực tiếp nuôi con tên Huỳnh Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 19/9/2011 và Huỳnh Chí T1, sinh ngày 07/6/2014. Tạm hoãn việc cấp dưỡng cho con đối với ông P cho đến khi bà T có đơn yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự xác định không có.

Án phí dân sự sơ thẩm bà T phải chịu là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu số 0009305 ngày 15/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Bà T đã thi hành xong án phí.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q8;
- Chi cục THADS Q8;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Phúc